

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu, đất đai, đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1334/QĐ-BTP ngày 25/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 3717/QĐ-BQP ngày 01/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 461/TTr-SNNMT ngày 08/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu, đất đai, đăng ký biện pháp

bảo đảm thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung: 38 thủ tục hành chính cấp tỉnh và 15 thủ tục hành chính cấp xã. Nội dung thủ tục hành chính được công bố tại các Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 1334/QĐ-BTP ngày 25/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; Quyết định số 3717/QĐ-BQP ngày 01/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng (*Chi tiết, có Danh mục và Biểu phí đính kèm*).

2. Bãi bỏ 05 thủ tục hành chính tại mục III, phần B Danh mục thủ tục hành chính kèm theo Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp, kiểm lâm, đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng (*Chi tiết tại mục 1 Phụ lục kèm theo*).

3. Bãi bỏ 01 thủ tục hành chính tại mục I, phần B Danh mục thủ tục hành chính kèm theo Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính các lĩnh vực quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai; ứng phó sự cố tràn dầu thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng (*Chi tiết tại mục 2 Phụ lục kèm theo*).

4. Bãi bỏ 09 thủ tục hành chính tại mục VII, phần 1; 23 thủ tục hành chính tại mục IV, phần 2; 13 thủ tục hành chính tại mục IV, phần 3 thuộc phần I Danh mục thủ tục hành chính kèm theo Quyết định số 2021/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, tài nguyên nước, chăn nuôi và thú y, đất đai thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng (*Chi tiết tại mục 3 Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; hướng dẫn, cung cấp nội dung thủ tục hành chính để các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan niêm yết, công khai; hướng dẫn tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; xây dựng và ban hành quy trình nội bộ, phối hợp với Sở Khoa học và

Công nghệ cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố theo quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan có liên quan cập nhật nội dung thủ tục hành chính và xây dựng, gỡ bỏ/thay thế quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố. Hoàn thành ngay sau khi nhận được Quyết định này.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- CT, PCT UBND TP H.M.Cường;
- Các Sở, ban, ngành thuộc UBND TP;
- Bộ CHQS TP;
- Báo và phát thanh, truyền hình Hải Phòng;
- Các PCVP UBND TP;
- Các Phòng, đơn vị: TTPVHCCTP, NN&MT;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT, N.V.Trường.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Minh Cường

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
(Kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____/8/2025 của Chủ tịch UBND thành phố)

1. 05 TTHC tại mục III, phần B Danh mục thủ tục hành chính kèm theo Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của Chủ tịch UBND thành phố

B		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG								
III		LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM (05 THỦ TỤC)								
1	1.011441	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	01 ngày làm việc hoặc 03 ngày làm việc trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng	Văn phòng Đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	Phí đăng ký biện pháp bảo đảm 80.000 đồng/hồ sơ; Phí đăng ký biện pháp bảo đảm nộp trực tuyến: 68.000 đồng/hồ sơ		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Các Nghị định: số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022, số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024; - Các Thông tư: số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019, số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024; - Quyết định số 1334/QĐ-BTP ngày 25/4/2025.	
2	1.011442	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	01 ngày làm việc hoặc 03 ngày làm việc trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng	Văn phòng Đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	Phí Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm 60.000 đồng/hồ sơ; Phí Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm nộp trực tuyến:		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Các Nghị định: số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022, số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024; - Các Thông tư: số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019, số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024; - Quyết định số 1334/QĐ-BTP ngày 25/4/2025.	

					51.000 đồng/hồ sơ					
3	1.011443	Xoá Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	01 ngày làm việc hoặc 03 ngày làm việc trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng	Văn phòng Đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	Phí xóa đăng ký biện pháp bảo đảm 20.000 đồng/hồ sơ; Phí xóa đăng ký biện pháp bảo đảm nộp trực tuyến: 17.000 đồng/hồ sơ		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Các Nghị định: số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022, số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024; - Các Thông tư: số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019, số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024; - Quyết định số 1334/QĐ-BTP ngày 25/4/2025.	
4	1.011444	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xoá Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	01 ngày làm việc hoặc 03 ngày làm việc trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng	Văn phòng Đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	Phí đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xoá đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm: 30.000 đồng/hồ sơ; Phí đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Các Nghị định: số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022, số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024; - Các Thông tư: số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019, số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024; - Quyết định số 1334/QĐ-BTP ngày 25/4/2025.	

					đổi, xoá Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm nộp trực tuyến: 25.500 đồng/hồ sơ					
5	1.011445	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	01 ngày làm việc hoặc 03 ngày làm việc trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng	Văn phòng Đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	Theo quy định của Hội đồng nhân thành phố		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Các Nghị định: số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022, số 102/2024/NĐ- CP ngày 30/7/2024; - Các Thông tư: số 07/2019/TT- BTP ngày 25/11/2019, số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024; - Quyết định số 1334/QĐ-BTP ngày 25/4/2025.	

2. 01 TTHC tại mục I, phần B Danh mục thủ tục hành chính kèm theo Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

B THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN (01 THỦ TỤC)										
I LĨNH VỰC ỦNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU (01 THỦ TỤC)										
1	2.002675	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở kinh doanh xăng, dầu chỉ có nguy cơ xảy ra tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền, trên sông, trên biển	15 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Quyết định số 12/2021/QĐ- TTg ngày 24/3/2021; - Quyết định số 6225/QĐ-BQP ngày 23/12/2024.	

3. 09 TTHC tại mục VII, phần 1; 23 TTHC tại mục IV, phần 2; 13 TTHC tại mục IV, phần 3 thuộc phần I Danh mục thủ tục hành chính kèm theo Quyết định số 2021/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, cụ thể:

1. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố (09 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết		Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
			Sở NNMT	UBND TP			Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính			
VII. Lĩnh vực đất đai (09 TTHC)												
1	1.012821	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	- 28 ngày làm việc - 38 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025		

2	1.012805	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh	- 40 ngày làm việc - 50 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	10 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025	
3	1.013823	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và	- 10 ngày - 20 ngày Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội	05 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017. - Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Các Nghị định: số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024; số 118/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2025; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; số	

		cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	đặc biệt khó khăn							151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025	
4	1.013825	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	- 10 ngày - 20 ngày Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	05 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Các Nghị định: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024; số 118/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2025; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025	
5	1.013826	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	- 05 ngày - 08 ngày Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có	02 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Các Nghị định: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024; số 118/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2025; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025	

			điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn								
6	1.013827	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	- 05 ngày - 23 ngày Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	02 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Các Nghị định: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024; số 118/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2025; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025	
7	1.013828	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển	- 10 ngày - 20 ngày Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có	05 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Các Nghị định: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024; số 118/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2025; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025	

			điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn								
8	1.013945	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư	- 18 ngày làm việc - 28 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Các Nghị định: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024; số 118/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2025; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025	
9	1.013946	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	- 10 ngày - 20 ngày Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội	05 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Các Nghị định: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024; số 118/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2025; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.	

			khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn							- Quyết định số 2304/QĐ- BNNMT ngày 23/6/2025	
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

2. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường (23 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính		
IV. Lĩnh vực đất đai (23 TTHC)										
1	1.012756	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	17 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025;	1. Đối với cộng đồng dân cư: CNVPĐKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC 2. Đối với tổ chức: VPĐKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC

										- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025	
2	1.012766	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	03 ngày làm việc. (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc)	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	I. Tổ chức, cộng đồng dân cư: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp GCN QSDĐ và QSHTS: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài: 1. Lệ phí: * Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy;	Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	VPĐKKĐ trực tiếp thực hiện TTHC		

					- Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.					
3	1.012793	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	08 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc)	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp GCN QSDĐ và QSH tài sản: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ.		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	VPĐKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC
4	1.012781	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	1. Lệ phí: *Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS:		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024;	1. Đối với cá nhân: CNVPĐKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC 2. Đối với tổ chức: VPĐKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC

					- Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.				- Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	tiếp thực hiện TTHC
		Trường hợp phân diện tích tăng thêm do nhận chuyển quyền sử dụng một phần thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận	10 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc)							
		Trường hợp phân diện tích tăng thêm chưa được cấp Giấy chứng nhận	20 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều							

			kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc)							
5	1.012782	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	I. Đăng ký biến động: 1. Lệ phí: *Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ. II. Cấp GCN lần đầu: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: + Tại phường: 40.000 đồng/giấy;	Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	CN VPĐKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC	

					+ Tại xã, thị trấn: 20.000 đồng/giấy; - Cấp GCN có QSDĐ và QSH tài sản: + Tại phường: 150.000 đồng/giấy; + Tại xã, thị trấn: 75.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 170.000 đồng/hồ sơ.					
		Trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở	20 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc)							
		Trường hợp người sử dụng đất không có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở	15 ngày làm việc(Đối với các xã miền núi, hải đảo,							

			vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc)						
6	1.012783	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	05 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc)	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	I. Tổ chức, cộng đồng dân cư: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp GCN có QSDĐ và QSH tài sản: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài: 1. Lệ phí: *Trường hợp chỉ có QSDĐ:	Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	1. Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài:CNVPĐ KĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC 2. Đối với các trường hợp khác: VPĐKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC

					- Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.					
		Trường hợp thay đổi kích thước các cạnh, diện tích, số hiệu của thửa đất do đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đồ địa chính thửa đất mà ranh giới thửa đất không thay đổi	10 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc)							
		Trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do	Theo dự án đã được phê duyệt							

		đo đạc bản đồ địa chính								
7	1.012784	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	12 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc)	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	I. Tổ chức, cơ sở tôn giáo, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, cộng đồng dân cư: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp GCN QSDĐ và QSH tài sản: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài: *Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy;	Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	1. Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư,:CNVPĐKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC 2. Đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: VPĐKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC	

					- Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/ giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/ giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/ hồ sơ.				
8	1.012786	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	10 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc)	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	I. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/ giấy; - Cấp GCN QSDĐ và QSH tài sản: 75.000 đồng/ giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/ hồ sơ II. Cá nhân, hộ gia đình, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài: 1. Lệ phí: * Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/ giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy;	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2128/QĐ-BNNMT ngày 16/6/2025. - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	1. Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài: CNVPĐ KĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC 2. Đối với các trường hợp khác: VPĐKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC

					* Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.					
9	1.012790	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	08 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc)	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	1. Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài (trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất có sai sót): CNVPĐKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC. 2. Đối với trường hợp khác: (1) Do Sở NNMT giải quyết với GCN đã cấp lần đầu; (2) Do

										VPĐKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC với GCN đã cấp khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất có sai sót 3. Nộp hồ sơ tại TTPVHCC đối với GCN đã cấp lần đầu có sai sót
10	1.012791	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	25 ngày làm việc đối với việc thu hồi GCN. 20 ngày làm việc đối với việc đăng ký, cấp GCN sau khi thu hồi GCN đã cấp (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế -	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	I. Tổ chức, cộng đồng dân cư: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 150.000 đồng/giấy; - Cấp GCN QSDĐ và QSH tài sản: 650.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 3.060.000 đồng/hồ sơ. II. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài, cá nhân: 1. Lệ phí:		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025;	1. Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài (trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất): CNVPĐKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC. 2. Đối với trường hợp

			xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc); thời gian thực hiện cấp lại GCN theo quy định đối với từng trường hợp đăng ký biến động theo quy định tại Nghị định 151/2025/NĐ-CP		*Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 40.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 20.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 150.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 75.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 170.000 đồng/hồ sơ.				- Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	khác: (1) Do Sở NNMT giải quyết với GCN do Sở cấp lần đầu; (2) Do VPĐKKĐ trực tiếp thực hiện TTHC với GCN đã cấp khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất
11	1.012785	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	08 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	I. Tổ chức, cơ sở tôn giáo, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, cộng đồng dân cư: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp QSDĐ và QSHTS: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ.		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025;	1. Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài:CNVPĐ KKĐ trực tiếp thực hiện TTHC 2. Đối với tổ chức trong nước: VPĐKKĐ trực tiếp thực hiện TTHC

			thêm 10 ngày làm việc)		II. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, hộ gia đình, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam: 1. Lệ phí: * Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.				- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	
12	1.012787	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở,	08 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	I. Tổ chức, cơ sở tôn giáo, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, cộng đồng dân cư: 1. Lệ phí:		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số	VPĐKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC (người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở

		công trình xây dựng trong dự án bất động sản	hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc)		- Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp QSDĐ và QSHTS: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, hộ gia đình, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam: 1. Lệ phí: * Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy;				58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	hữu nhà ở, công trình xây dựng từ chủ đầu tư)
--	--	--	---	--	--	--	--	--	---	---

					2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.					
13	1.012789	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí theo Phụ lục số 5 Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng; Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố.		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2128/QĐ-BNNMT ngày 16/6/2025. - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	1. Đối với cá nhân: CNVPĐKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC 2. Đối với tổ chức: VPĐKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC
		Đối với trường hợp thông tin, dữ liệu có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai	01 ngày làm việc							
		Đối với trường hợp thông tin, dữ liệu không có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai	02 ngày làm việc							

		Trường hợp cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, tổng hợp, phân tích hoặc lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan thì có thể gia hạn	10 ngày làm việc							
14	1.013831	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	A. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, QSH TS gắn liền với đất: I. Tổ chức, cộng đồng dân cư: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp QSDĐ và QSH TS: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài: 1. Lệ phí: * Trường hợp chỉ có QSDĐ:		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	1. Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài: CNVPĐ KĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC 2. Đối với các trường hợp khác: VPĐKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC

		thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm			- Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000. B. Đăng ký biến động tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước: I. Tổ chức, cộng đồng: 1. Lệ phí cấp giấy: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ II. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân: 1. Lệ phí cấp giấy: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.						
		Đối với trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp	08 ngày làm việc (Đối với các xã miền								

		mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc)							
		Đối với trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	04 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng							VPĐKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC

			thêm 10 ngày làm việc)							
15	1.013833	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	I. Tổ chức, cộng đồng dân cư: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp GCN QSDĐ và QSH tài sản: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài: 1. Lệ phí: *Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	1. Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài: CNVPĐ KĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC 2. Đối với các trường hợp khác: VPĐKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC
		Đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất	04 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều							

			kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc)							
		Đối với trường hợp thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề	05 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc)							
		Đối với trường hợp giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	10 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã							

			hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc)							
16	1.013977	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố			Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	VPĐKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC
17	1.013980	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản		Trung tâm Phục vụ hành	I. Tổ chức, cộng đồng dân cư: 1. Lệ phí:		Một phần	Tiếp nhận và trả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi một số điều bởi Luật số	1. Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư; CNVPĐKĐ

		gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát		chính công thành phố	- Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp GCN QSDĐ và QSH tài sản: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài: 1. Lệ phí: *Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.			kết quả	43/2024/QH15 ngày 29/6/2024, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	Đ trực tiếp thực hiện TTHC 2. Đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài : VPĐKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC
--	--	---	--	-----------------------------	---	--	--	----------------	--	--

		sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài								
		Đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc	08 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc)							

		phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài								
		Đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản	10 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện							

		lý, sử dụng tài sản công	được tăng thêm 10 ngày làm việc)							
18	1.013988	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp	01 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	1. Lệ phí: *Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	1. Đối với cá nhân :CNVPĐKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC 2. Đối với tổ chức: VPĐKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC
19	1.013992	Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	07 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế -	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	I. Tổ chức, cộng đồng dân cư: 1. Lệ phí: 60.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân:		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội;	1. Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư::CNVPĐKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC 2. Đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ

			xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc)		1. Lệ phí: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.				- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài : VPĐKKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC
20	1.013993	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014	12 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc)	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	CNVĐKKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC
21	1.013994	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với		Trung tâm			Một phần	Tiếp nhận	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày	

		trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất		Phục vụ hành chính công thành phố				và trả kết quả	18/01/2024 được sửa đổi một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	
		Đối với trường hợp đất để thực hiện dự án chưa được cấp Giấy chứng nhận	20 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng		Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí					Sở NN&MT thực hiện TTHC

			thêm 10 ngày làm việc)							
		Đối với trường hợp đất để thực hiện dự án đã được cấp Giấy chứng nhận	08 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc)		1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 150.000 đồng/giấy; - Cấp GCN QSDĐ và QSH tài sản: 650.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 3.060.000 đồng/hồ sơ. * Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân: I. Đã có GCN: 1. Lệ phí: * Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.					VPĐKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC

					II. Chưa có GCN: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: + Tại phường: 40.000 đồng/giấy; + Tại xã, thị trấn: 20.000 đồng/giấy; - Cấp GCN có QSDĐ và QSH tài sản: + Tại phường: 150.000 đồng/giấy; + Tại xã, thị trấn: 75.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 170.000 đồng/hồ sơ.					
22	1.013995	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	I. Tổ chức, cộng đồng dân cư: 1. Lệ phí: 75.000 đồng/giấy 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ II. Cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài: 1. Lệ phí: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy;		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025;	1. Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài: CNVPĐ KĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC 2. Đối với các trường hợp khác: VPĐKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC

					2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.				- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ- BNNMT ngày 23/6/2025.	
		Đối với trường hợp đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký	08 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc)							
		Đối với trường hợp đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký	05 ngày làm việc(Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế -							

			xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc)							
23	1.013947	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp	07 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc)	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	1. Lệ phí: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	CNV PĐKĐĐ trực tiếp thực hiện TTHC

3. Thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã (13 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính	
IV. Lĩnh vực đất đai (13 TTHC)									
1	1.012817	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	- 20 ngày làm việc - 30 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.
2	1.012796	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	- 08 ngày làm việc - 18 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.
3	1.012791	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai	- 45 ngày làm việc - 55 ngày làm việc Đối với các xã	Trung tâm Phục vụ	Theo quy định của Luật phí và lệ phí		Một phần	Tiếp nhận và trả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính	
		do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	hành chính công cấp xã	và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí			kết quả	- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.
4	1.012753	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	- 17 ngày làm việc - 27 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.
5	1.013949	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho	- 15 ngày - 25 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017. - Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Các Nghị định: số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024; số 118/2025/NĐ-CP ngày

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính	
		thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn						09/6/2025; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.
6	1.013950	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	- 15 ngày - 25 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.
7	1.013952	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	- 05 ngày - 15 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính	
8	1.013953	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	- 07 ngày - 25 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.
9	1.013962	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương	- 35 ngày - 45 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính	
		từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở							
10	1.013978	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người	- 17 ngày - 27 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025;

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính	
		gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn		Luật phí và lệ phí				- Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.
11	1.013979	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	- 10 ngày - 20 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.
12	1.013965	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	- 15 ngày - 25 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.
13	1.013967	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	- 45 ngày - 60 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế -	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025;

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính	
			xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	cấp xã	hướng dẫn Luật phí và lệ phí				- Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.